

Bài tập: Chia động từ ở thì hiện tại đơn hoặc thì hiện tại tiếp diễn

Cách làm:

Bước 1: Xác định câu này ở thì nào, thì hiện tại đơn hay thì hiện tại tiếp diễn.

Xem câu có từ nào trong dấu hiệu nhận biết hay không?

Dấu hiệu nhận biết **thì hiện tại đơn**: khi trong câu có các trạng từ chỉ tần suất:

- Always (luôn luôn) , usually (thường xuyên), often (thường xuyên), frequently (thường xuyên) , sometimes (thỉnh thoảng), seldom (hiếm khi), rarely (hiếm khi), hardly (hiếm khi) , never (không bao giờ), ...
- Every day, every week, every month, every year, every morning ... (mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm).

Dấu hiệu nhận biết **thì hiện tại tiếp diễn**: khi trong câu có:

- *now*: bây giờ
- *right now*: ngay bây giờ
- *at the moment*: lúc này
- *at present*: hiện tại
- *at* + giờ cụ thể (at 7 o'clock)
- *Look! Watch!* (Nhìn kìa!)
- *Listen!* (Hãy nghe này!)
- *Keep silent!* (Hãy im lặng!)
- *Watch out!* = *Look out!* (Coi chừng)

Bước 2: Sau khi đã xác định được thì, xem chủ ngữ trong câu là gì, từ đó xem lại cấu trúc của các thì và chia động từ.

Công thức thì hiện tại đơn

Thể	Động từ “tobe”	Động từ “thường”
Khẳng định	S + am/is/are + I + am He, She, It + is You, We, They + are	S + V(s/es) + I, You, We, They + V (nguyên thể) He, She, It + V (s/es)
Phủ định	S + am/is/are + not + <i>is not = isn't ;</i> <i>are not = aren't</i>	S + do/ does + not + V (nguyên thể) <i>do not = don't</i> <i>does not = doesn't</i>
Nghi vấn	Yes – No question (Câu hỏi ngắn) Q: Am/ Are/ Is (not) + S +? A: Yes, S + am/ are/ is. No, S + am not/ aren't/ isn't. Wh- questions (Câu hỏi có từ để hỏi) Wh-question + are/ is + S?	Yes – No question (Câu hỏi ngắn) Q: Do/ Does (not) + S + V(ng.thể)..? A: Yes, S + do/ does. No, S + don't/ doesn't. Wh- questions (Câu hỏi có từ để hỏi) Wh-question + do/ does + S + V? (V dạng nguyên thể)

Công thức thì hiện tại tiếp diễn

Thể	Cấu trúc
Khẳng định	S + be + V-ing.
Phủ định	S + be + not + V-ing.
Nghi vấn	Yes – No question (Câu hỏi ngắn) Q: Be + S + V-ing? A: Yes, S + am/ are/ is. No, S + am not/ aren't/ isn't. Wh- questions (Câu hỏi có từ để hỏi) Wh-question + are/ is + S?

Trong đó: “be” là “am/ is/ are”

I + am

She/he/it/danh từ số ít + is

You/we/they/danh từ số nhiều + are

Ví dụ:

1. I usually ____ (go) to school on Monday.

Bước 1: Mình nhìn trong câu xem có từ nào thuộc dấu hiệu nhận biết không, thấy trong câu trên có từ “usually” trong dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn, nên mình chia ở thì hiện tại đơn.

Bước 2: Mình thấy chủ ngữ trong câu là “I”, xem lại cấu trúc hiện tại đơn:

S + V(s/es) +

I, You, We, They + V (nguyên thể)

He, She, It + V (s/es)

Mình thấy I + V (nguyên thể) nên ở đây mình ghi câu trả lời là: go

Đáp án: I usually go (go) to school on Monday.

2. She _____ (listen) to music now.

Bước 1: Mình nhìn trong câu xem có từ nào thuộc dấu hiệu nhận biết không, mình thấy có từ “now”, nên mình biết đây là hiện tại tiếp diễn.

Bước 2: Mình thấy chủ ngữ trong câu là “She”, xem lại cấu trúc hiện tại tiếp diễn:

S + be + Ving.

She + is + Ving.

Nên mình ghi đáp án là: is listening

Đáp án: She is listening (listen) to music now.

Bài tập: Chia động từ ở thì hiện tại đơn hoặc thì hiện tại tiếp diễn:

1. My brother (do)_____his homework in his room now.

2. Keep silent! I (listen)_____to the radio.

3. Everyday , I (go) _____ to school by bike.
4. Every morning , we (have) _____ breakfast at 7.00 am.
5. At the moment, Nam and his friends (go) _____ shopping at the mall.
6. Look! A man (call) _____ you.